

**PHỤ LỤC 09**  
**BIỂU PHÍ GIAO DỊCH TÍN DỤNG (Chưa bao gồm thuế GTGT)**

| STT      | Mã phí                                                 | DỊCH VỤ                            | MỨC PHÍ ÁP DỤNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | HÌNH THỨC THU PHÍ |
|----------|--------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| <b>A</b> | <b>PHÍ PHẠT TRẢ NỢ TRƯỚC HẠN (KHÔNG THU THUẾ GTGT)</b> |                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                   |
| 1        | C01V                                                   | Khoản vay ngắn hạn                 | <p>1,5% * Số tiền trả nợ trước hạn (Min 200.000 VND/lần trả nợ trước hạn).</p> <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với khoản vay trả gốc định kỳ, miễn phí trả nợ trước hạn trên số tiền trả nợ định kỳ trong trường hợp KH trả nợ trước 5 ngày làm việc tính từ ngày KH trả nợ đến ngày đến hạn trả nợ định kỳ của khoản vay.</li> <li>- Đối với khoản vay trả gốc cuối kỳ, miễn phí trả nợ trước hạn trong trường hợp KH trả nợ trước 5 ngày làm việc tính từ ngày KH trả nợ đến ngày đến hạn trả nợ của khoản vay.</li> </ul> | Thu thủ công      |
| 2        | C02V                                                   | Đối với khoản vay trung và dài hạn | <p>3% * Số tiền trả nợ trước hạn (Min 200.000 VND/lần trả nợ trước hạn).</p> <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với khoản vay trả gốc định kỳ, miễn phí trả nợ trước hạn trên số tiền trả nợ định kỳ trong trường hợp KH trả nợ trước 5 ngày làm việc tính từ ngày KH trả nợ đến ngày đến hạn trả nợ định kỳ của khoản vay.</li> <li>- Đối với khoản vay trả gốc cuối kỳ, miễn phí trả nợ trước hạn trong trường hợp KH trả nợ</li> </ul>                                                                                       | Thu thủ công      |

|          |                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                  |              |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
|          |                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                           | trước 5 ngày làm việc tính từ ngày KH trả nợ đến ngày đến hạn trả nợ của khoản vay.                              |              |
| <b>B</b> | <b>DỊCH VỤ BẢO LÃNH</b>                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                  |              |
| <b>1</b> | <b>Phát hành cam kết bảo lãnh theo mẫu của VAB (phí thu đủ 1 lần ngay trước khi phát hành)</b> |                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                  |              |
| 1.1      | C01L                                                                                           | Ký quỹ 100%                                                                                                                                                                                                                               | 0,05%*Giá trị cam kết bảo lãnh/tháng (Min 300.000 VND - Max 3.000.000 VND)                                       | Thu thủ công |
| 1.2      |                                                                                                | Ký quỹ dưới 100% hoặc miễn ký quỹ                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                  |              |
| 1.2.1    | C02L                                                                                           | Giá trị cam kết bảo lãnh còn lại (sau khi trừ phần đã ký quỹ (nếu có) được bảo đảm bằng các tài sản tương ứng như sau:<br><br>Lưu ý: Trường hợp thời gian cam kết bảo lãnh bị lẻ ngày (không tròn tháng) thì sẽ làm tròn lên thành tháng. | STK/HĐTG/CCTG/giấy tờ có giá do VietABank phát hành: 0,05%*Giá trị cam kết bảo lãnh/tháng (Min 300.000 VND/thư)  | Thu thủ công |
| 1.2.2    | C03L                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                           | STK/HĐTG/CCTG/giấy tờ có giá do TCTD khác phát hành: 0,1%*Giá trị cam kết bảo lãnh/tháng (Min 500.000 VND/thư)   | Thu thủ công |
| 1.2.3    | C04L                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                           | Bất động sản: 0,1%*Giá trị cam kết bảo lãnh/tháng (Min 500.000 VND/thư)                                          | Thu thủ công |
| 1.2.4    | C05L                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                           | Tài sản khác: 0,1%*Giá trị cam kết bảo lãnh/tháng (Min 500.000 VND/ thư)                                         | Thu thủ công |
| 1.2.5    | C06L                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                           | Không TSBD: 0,2%*Giá trị cam kết bảo lãnh/tháng (Min 500.000 VND/thư)                                            | Thu thủ công |
| <b>2</b> | C07L                                                                                           | Phát hành cam kết bảo lãnh theo mẫu của khách hàng được VAB chấp nhận (phí thu đủ 1 lần ngay trước khi phát hành)                                                                                                                         | Như phí phát hành bảo lãnh theo yêu cầu của KH (thu phí 1 lần – Thư bảo lãnh theo mẫu của VAB) + 200.000 VND/thư | Thu thủ công |
| <b>3</b> | <b>Phát hành bảo lãnh bằng 02 ngôn ngữ (Tiếng việt – Tiếng Anh)</b>                            |                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                  |              |
| 3.1      | C08L                                                                                           | Theo mẫu của VAB                                                                                                                                                                                                                          | Như phí phát hành bảo lãnh theo yêu cầu của KH (thu phí 1 lần – Thư bảo lãnh                                     | Thu thủ công |

|          |                              |                                                 |                                                                                                                                                                                                                               |              |
|----------|------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
|          |                              |                                                 | theo mẫu của VAB) + 200.000 VND/thư                                                                                                                                                                                           |              |
| 3.2      | C09L                         | Theo mẫu khách hàng được VAB chấp nhận          | Như phí phát hành bảo lãnh theo yêu cầu của KH (thu phí 1 lần – Thư bảo lãnh theo mẫu của khách hàng được VAB chấp nhận) + 500.000 VND/thư.<br><br><i>Lưu ý: Mức phí này chưa bao gồm các chi phí liên quan khác (nếu có)</i> | Thu thủ công |
| <b>4</b> | <b>Tu chỉnh thư bảo lãnh</b> |                                                 |                                                                                                                                                                                                                               |              |
| 4.1      | C10L                         | Tu chỉnh tăng số tiền bảo lãnh                  | Phí thu thêm = Số tiền tăng thêm * mức phí * thời gian từ khi phát hành tu chỉnh bảo lãnh đến hết thời hạn bảo lãnh.<br><br>Mức phí: Thu như mức phí phát hành bảo lãnh<br>Min: 200.000/lần                                   | Thu thủ công |
| 4.2      | C11L                         | Tu chỉnh tăng thời hạn bảo lãnh                 | Phí thu thêm = Giá trị bảo lãnh * mức phí * thời gian bảo lãnh tăng thêm.<br><br>Mức phí: Thu như mức phí phát hành bảo lãnh<br>Min: 200.000/lần                                                                              | Thu thủ công |
| 4.3      | C12L                         | Tu chỉnh tăng số tiền và giảm thời hạn bảo lãnh | Phí thu thêm = Số tiền tăng thêm * mức phí * thời gian từ khi phát hành tu chỉnh bảo lãnh đến hết thời hạn bảo lãnh (sau khi tu chỉnh).<br><br>Mức phí: Thu như mức phí phát hành bảo lãnh<br>Min: 200.000/lần                | Thu thủ công |
| 4.4      | C13L                         | Tu chỉnh giảm số tiền và tăng thời hạn bảo lãnh | Phí thu thêm = Số tiền sau khi điều chỉnh giảm * mức phí * thời gian bảo lãnh tăng thêm.<br><br>Mức phí: Thu như mức phí phát hành bảo lãnh<br>Min: 200.000/lần                                                               | Thu thủ công |

|          |                                                                  |                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                    |              |
|----------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| 4.5      | C14L                                                             | Tu chỉnh tăng số tiền và thời hạn bảo lãnh                            | Phí thu thêm = (Số tiền tăng thêm * mức phí * thời gian từ khi phát hành tu chỉnh bảo lãnh đến hết thời hạn bảo lãnh) + (Giá trị bảo lãnh cũ * mức phí * thời gian bảo lãnh tăng thêm).<br><br>Mức phí: Thu như mức phí phát hành bảo lãnh<br><br>Min: 200.000/lần | Thu thủ công |
| 4.6      | C15L                                                             | Tu chỉnh khác                                                         | 200.000 VND/lần                                                                                                                                                                                                                                                    | Thu thủ công |
| <b>5</b> | <b>Hủy thư bảo lãnh</b>                                          |                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                    |              |
| 5.1      | C16L                                                             | Hủy do bảo lãnh hết hiệu lực                                          | Miễn phí                                                                                                                                                                                                                                                           |              |
| 5.2      |                                                                  | Hủy theo đề nghị của KH                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                    |              |
| 5.2.1    | C17L                                                             | Hủy bảo lãnh có ký quỹ 100% hoặc KH chưa nhận được chứng thư bảo lãnh | Miễn phí                                                                                                                                                                                                                                                           |              |
| 5.2.2    | C18L                                                             | Hủy bảo lãnh ký quỹ dưới 100% hoặc miễn ký quỹ                        | Hủy trong vòng 2 ngày làm việc kể từ khi phát hành : 500.000 VND                                                                                                                                                                                                   | Thu thủ công |
| 5.2.3    | C19L                                                             |                                                                       | Hủy sau 2 ngày làm việc kể từ khi phát hành: 200.000 VND.                                                                                                                                                                                                          | Thu thủ công |
| <b>6</b> | C20L                                                             | <b>Phí xác nhận bảo lãnh</b>                                          | 300.000 VND/lần                                                                                                                                                                                                                                                    | Thu thủ công |
| <b>7</b> |                                                                  | <b>Phí dịch vụ bảo lãnh khác</b>                                      | 1%*giá trị bảo lãnh                                                                                                                                                                                                                                                | Thu thủ công |
| <b>C</b> | <b>PHÍ DỊCH VỤ TÍN DỤNG KHÁC</b>                                 |                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                    |              |
| <b>1</b> | C03V                                                             | <b>Phí cấp hạn mức tín dụng dự phòng</b>                              | 0,1%/hạn mức tín dụng dự phòng (Min 300.000 VND; Max 10.000.000 VND (không thu thuế GTGT)                                                                                                                                                                          | Thu thủ công |
| <b>2</b> | C04V                                                             | <b>Thư xem xét thu xếp cấp tín dụng/bảo lãnh</b>                      | 0,01%/số tiền vay, bảo lãnh (không thu thuế GTGT)                                                                                                                                                                                                                  | Thu thủ công |
| <b>3</b> | C05V                                                             | <b>Trung gian thanh toán theo hợp đồng</b>                            | 0,2%/số tiền (Min 500.000 VND; Max 5.000.000 VND)                                                                                                                                                                                                                  | Thu thủ công |
| <b>4</b> | Phí cam kết rút vốn ( Mức phí quy định trên HĐTD làm căn cứ thu) |                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                    |              |

|   |                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                     |                                           |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|
|   | C06V                                                                                       | Trường hợp 1: Khách hàng không thực hiện rút vốn/ không nhận giải ngân                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 0.3%*Số tiền vay trên HĐTD (Min 1.000.000 VND; Max: 3.000 000 VND)  | Thu thủ công khi khách hàng rút hồ sơ vay |
|   | C07V                                                                                       | Trường hợp 2: Khách hàng thực hiện rút vốn/nhận giải ngân một lần theo HĐTD và chỉ rút vốn/nhận giải ngân một phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 0.3%*Số tiền chưa giải ngân (Min 1.000.000 VND; Max: 3.000 000 VND) | Thu thủ công tại lần giải ngân đầu tiên   |
|   |                                                                                            | Trường hợp 3:<br>- Khách hàng thực hiện rút vốn/nhận giải ngân 1 lần trên toàn bộ số tiền vay trên HĐTD<br>- HĐTD vay theo hạn mức hoặc các khoản vay giải ngân theo tiến độ (căn cứ theo phê duyệt cấp tín dụng).<br>- Các khoản vay của cán bộ nhân viên VAB.                                                                                                                                                                                                                                         | Miễn phí                                                            |                                           |
|   | Lưu ý: Đối với vay cầm cố số dư tiền gửi, ĐVKD thu phí theo quy định ban hành từng thời kỳ |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                     |                                           |
| 5 | Phạt vi phạm theo thỏa thuận                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                     |                                           |
|   | C09V                                                                                       | Phạt không nhận giải ngân đủ số tiền theo Hợp đồng tín dụng (Áp dụng với trường hợp KH vay từng lần, thực hiện rút vốn/nhận giải ngân theo tiến độ).<br><br><i>Thời điểm xác định không giải ngân đủ số tiền theo Hợp đồng tín dụng là một trong các thời điểm: khi khách hàng đã nhận bàn giao nhà và không phát sinh nhu cầu nhận giải ngân<sup>1</sup> hoặc khi đã có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở hoặc khi hoàn tất việc xây dựng, sửa chữa nhà hoặc tại thời điểm KH tắt toán trước hạn.</i> | 0.3% * Số tiền không giải ngân (Max: 1.000.000 VND)                 | Thu thủ công                              |
| 6 | C08V                                                                                       | Các dịch vụ khác theo yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Thỏa thuận                                                          | Thu thủ công                              |

<sup>1</sup> Khách hàng cam kết bằng văn bản v/v không có nhu cầu nhận giải ngân.

❖ **Lưu ý:**

- Miễn phí phạt trả nợ trước hạn đối với các khoản vay/kế ước nhận nợ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức.
- Các trường hợp phí phạt trả nợ trước hạn được quy định theo chương trình/sản phẩm vay cụ thể thì sẽ áp dụng theo chương trình/sản phẩm đó.
- Các phí nằm ngoài danh mục phí theo biểu phí thì VAB tự thỏa thuận bằng hình thức cụ thể với khách hàng để thu phí trên cơ sở cung cầu thị trường. Mức phí thỏa thuận sẽ được ghi cụ thể trong giấy nộp tiền/ủy nhiệm chi hoặc các chứng từ tương đương khác.